

LỊCH HỌC THỰC HÀNH
(TUẦN: 45-Từ ngày 22 tháng 6 đến ngày 28 tháng 6 năm 2020)
ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	CĐ	20	Cơ điện tử 1	1	30	TH ROBOT CN	2	201-A10			2	201-A10									L. V. Hải	
2	CĐ	20	Cơ điện tử 1	2	30	TH ROBOT CN	1	201-A10	1	201-A10	1	201-A10									L. V. Hải	
3	CĐ	20	Cơ điện tử 2	1	33	TH ROBOT CN			2	201-A10											N. X. Thuận	
4	CĐ	20	Cơ điện tử 2	2	33	TH ROBOT CN			3	201-A10											N. X. Thuận	
5	CĐ	21	Cơ điện tử 3	1	30	TH CẢM BIẾN HTĐ			1	203-A10	1	203-A10	1	203-A10							L. N. Duy	
6	CĐ	21	Cơ điện tử 3	2	30	TH CẢM BIẾN HTĐ			2	203-A10	2	203-A10	2	203-A10							L. N. Duy	
7	CĐ	21	Cơ điện tử 1	1	24	TH CẢM BIẾN HTĐ	1	203-A10							1	203-A10	2	203-A10			L. V. Nghĩa	
8	CĐ	21	Cơ điện tử 1	2	24	TH CẢM BIẾN HTĐ	2	203-A10					3	203-A10	2	203-A10					L. V. Nghĩa	
9	CĐ	21	Cơ điện tử 1	3	25	TH CẢM BIẾN HTĐ	3	203-A10			3	203-A10			3	203-A10					L. V. Nghĩa	
10	ĐH	12	0103014			THI CAD/CAM	1	P306-A10													T. V. Long Đ. N. Hoành N. V. Cảnh N. V. Quê	Ca thi 1, 2, 3
11	ĐH	12	0103014			THI CAD/CAM	1	P307-A10													T. V. Long Đ. N. Hoành N. V. Cảnh N. V. Quê	Ca thi 1, 2, 3
12	ĐH	12	ME6004			THI CAD/CAM			1	P306-A10											Đ. N. Hoành N. M. Anh P. V. Trinh N. Như Tùng	Ca thi 1, 2, 3
13	ĐH	12	ME6004			THI CAD/CAM			1	P307-A10											Đ. N. Hoành N. Mai Anh P. V. Trinh N. Như Tùng	Ca thi 1, 2, 3
14	ĐH	12	ME6004			THI CAD/CAM			2	P306-A10											Đ. N. Hoành N. Mai Anh P. V. Trinh N. Như Tùng	Ca thi 4, 5, 6
15	ĐH	12	ME6004			THI CAD/CAM			2	P307-A10											Đ. N. Hoành N. Mai Anh P. V. Trinh N. Như Tùng	Ca thi 4, 5, 6
16	ĐH	12	20192ME6037001		30	TH CNC	1	Tầng 1-A10													N. V. Đức	TT Hồng Hải
17	ĐH	12	20192ME6037002		30	TH CNC	3	Tầng 1-A10													N. T. Mai	TT Hồng Hải
18	ĐH	12	20192ME6037003		30	TH CNC	2	Tầng 1-A10													N. T. Mai	TT Hồng Hải
19	ĐH	12	20192ME6037005		30	TH CNC	1	TH Tiện													L. Q. Lâm	TT Cơ khí
20	ĐH	12	20192ME6037006		30	TH CNC	3	TH Tiện													C. T. Anh	TT Cơ khí
21	ĐH	12	20192ME6037009		30	TH CNC							1	Tầng 1-A10							N. V. Đức	TT Hồng Hải
22	ĐH	12	20192ME6037011		30	TH CNC							2	Tầng 1-A10							N. V. Đức	TT Hồng Hải
23	ĐH	12	20192ME6037013		30	TH CNC							1	TH Tiện							C. T. Anh	TT Cơ khí
24	ĐH	12	20192ME6037015		30	TH CNC							2	TH Tiện							C. T. Anh	TT Cơ khí
25	ĐH	12	20192ME6037017		30	TH CNC					1	Tầng 1-A10									Đ. N. Hoành	TT Hồng Hải
26	ĐH	12	20192ME6037018		30	TH CNC					3	Tầng 1-A11									N. V. Đức	TT Hồng Hải

27	ĐH	12	20192ME6037019		30	TH CNC					2	Tầng 1-A12								Đ. N. Hoành	TT Hồng Hải
28	ĐH	12	20192ME6037021		30	TH CNC					1	TH Tiện								C. T. Anh	TT Cơ khí
29	ĐH	12	20192ME6037023		30	TH CNC					2	TH Tiện								L. Q. Lâm	TT Cơ khí
30	CĐ	21	20192ME5034005	1	25	CAD-2D			2	306-A10	2	306-A10								Đ. M. Hiền	
31	CĐ	21	20192ME5034005	2	24	CAD-2D			3	306-A10			2	306-A10						Đ. M. Hiền	
32	CĐ	21	20192ME5016002	2	44	CAD	3	306-A10	3	307-A10	3	306-A10			3	306-A10				T. A. Sơn	
33	CĐ	21	20192ME5016001	1	28	CAD							3	306-A10						N. T. Tùng	
34	CĐ	21	20192ME5016001	2	27	CAD									3	307-A10				N. T. Tùng	
35	CĐ	21	20192ME5016003	1	44	CAD							3	307-A10						N. M. Quang	
36	CĐ	21	20192ME5016003	2	43	CAD					3	307-A10								N. M. Quang	
37	CĐ	20	20192ME5035001	1	27	CAD-3D					1	307-A10			1	307-A10				Đ. V. Trường	
38	CĐ	20	20192ME5035001	2	26	CAD-3D			2	307-A10			2	307-A10						Đ. V. Trường	
39	CĐ	21	20192ME5034003	1	43	CAD-2D										1	306-A10			T. A. Sơn	
40	ĐH	13	VLVH CK1	1	18	CAD										2	307-A10	1	307-A10	Đ. V. Trường	Hệ VLVH
41	ĐH	13	VLVH CK1	1	18	CAD										1	307-A10	2	307-A10	Đ. V. Trường	Hệ VLVH
42	CĐ	21	20192ME5034002	1	24	CAD-2D	2	3D-CAD					2	3D-CAD						H. T. Lâm	Tầng 2-A7
43	CĐ	21	20192ME5034002	2	24	CAD-2D			2	3D-CAD					2	3D-CAD				H. T. Lâm	Tầng 2-A7
44	CĐ	21	20192ME5034002	3	25	CAD-2D					2	3D-CAD				2	3D-CAD			H. T. Lâm	Tầng 2-A7